

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 325/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22-9-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng.
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 253/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Bùi Thanh N, sinh năm 1983, “xin vắng mặt”;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Kim H, sinh năm 1982, “vắng mặt”;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn ngày 29/6/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Bùi Thanh N trình bày:

Anh và chị H chung sống từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, nhưng về sau thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh và chị H đã sống ly thân từ tháng 01/2021 đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Quan N, sinh ngày 18/6/2015, hiện đang sống chung với chị H. Ly hôn, anh đồng ý giao cháu N cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

* Bị đơn là chị Trần Kim H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng chị H không đến Tòa án, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh N.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn được. Đối với cháu N hiện đang sống chung với chị H nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh N yêu cầu ly hôn với chị H; anh N và chị H có con chung nên đây là tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị H là bị đơn có nơi cư trú tại ấp B, xã T, huyện G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; chị H đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N, chị H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị H chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29/2011 ngày 07/11/2011 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Anh N trình bày trong quá trình chung sống, giữa anh và chị H xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ của anh N giao nộp cho chị H. Nội dung thông báo về việc thụ lý vụ án có nêu rõ yêu cầu được ly hôn của anh N nhưng chị H không thể hiện ý kiến phản đối đối với yêu cầu của anh N. Do vậy, cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa anh N và chị H đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài

nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con:

- Về nuôi con chung: Anh N và chị H có 01 con chung chưa thành niên tên Bùi Quan N. Anh N đồng ý giao cháu N cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; ...”*.

Quá trình giải quyết vụ án chị H vắng mặt nên không có sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Theo biên bản xác minh của Tòa án đối với chính quyền địa phương thì hiện cháu N đang sống chung với chị H. Hội đồng xét xử thấy rằng, để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo sự phát triển bình thường cho cháu nên cần giao cháu N cho chị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu sau này chị H có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H chưa có yêu cầu giải quyết nên chưa xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh N.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Anh N, chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Anh N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Thanh N.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Thanh N được ly hôn với chị Trần Kim H.

2. Về con chung:

Giao cháu Bùi Quan N, sinh ngày 18/6/2015 cho chị Trần Kim H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm thời anh Bùi Thanh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Bùi Thanh N có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Anh Bùi Thanh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo

biên lai thu số 0006333 ngày 19/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên anh N đã nộp xong án phí.

Chị Trần Kim H không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai bản án, anh Bùi Thanh N, chị Trần Kim H được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã T,
- huyện T, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Phú

